TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **80/**2020/QĐST-HNGĐ	*Chơn Thành, ngày 03 tháng 04 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 52/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc *"Công nhận T tình ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Lương Ngọc L , sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: xã M, huyện C, tỉnh B.

2. Người liên quan: Anh Nguyễn Tiến T , sinh năm 1991; Địa chỉ cư trú: xã M, huyện C, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ vào đơn yêu cầu cùng lời khai trình bày của chị L anh T và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy chị L, anh Tkết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Long, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo theo giấy chứng nhận kết hôn số: 68, quyển số 01/2013, đăng ký ngày 05/11/2013. Việc kết hôn là do chịL và anh Thoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa, lừa dối. Do đó, căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Quá trình chung sống chị L, anh T thừa nhận có nhiều mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2018, không thể hòa giải cho đến nay nên thống nhất T tình ly hôn. Xét thấy việc chị L anh T mâu thuẫn với nhau là có thật, vợ chồng không

còn quan tâm, yêu thương nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình; đời sống chung không không thể tiếp tục và thực tế các đương sự đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được và đã thống nhất thỏa T ly hôn nên Tòa án chấp nhận yêu cầu T tình ly hôn của chịL anh T.

[3]. Về con chung, chịL anh T thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Công M sinh ngày 03/02/2015 và Nguyễn Hữu N, sinh ngày 21/12/2017. Thỏa T giao cả hai con chung là M và N cho chị L được quyền trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Căn cứ vào lời trình bày của chị L, anh T cùng các chứng cứ tài liệu kèm theo là các giấy khai sinh của các con có tên cha mẹ là anh T, chị L, cùng hổ khẩu gia đình Tòa án có đủ cơ sở để kết luận anh L chị T có 02 con chung là cháu N và cháu Lợi. Do chị L anh T đã thỏa T được người trực tiếp nuôi con sau ly hôn là chị L, việc thỏa T này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với đặc điểm gia đình là cả hai con hiện đang do chịL trực tiếp nuôi con sau ly thân. Do đó Tòa án chấp nhận thỏa T của anh T, chị L là giao cả hai con chung là Nguyễn Công M sinh ngày 03/02/2015 và Nguyễn Hữu N, sinh ngày 21/12/2017 cho chị L được quyền trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* ChịL anh T thỏa T anh T thực hiện việc cấp dưỡng thực hiện hành tháng, mức cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/ tháng/ con. Thời gian cấp dưỡng là ngày 15 hàng tháng, ngày cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 15/4/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy thỏa T về việc cấp dưỡng nuôi con của chịL anh T là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội do đó Tòa án chấp nhất công nhận thỏa T này.

[5]. *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị L anh T thống nhất thỏa T tài sản chung không có. Về nợ chung không có, do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét lời trình bày của các đương sự là thống nhất, phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án chấp nhận ghi nhận.

[6]. *Về lệ phí:* Các đương sự thỏa T bà L, ông T cùng phải chịu lệ phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng. Thỏa T này là hợp lý, đúng với quy định của pháp luật nên được Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả T đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả T của các đương sự cụ thể như sau:

- *Công nhận sự T tình ly hôn giữa:* Chị Lương Ngọc L với anh Nguyễn Tiến T.

- *Về con chung:* Giao 02 con chung tên Nguyễn Công M sinh ngày 03/02/2015 và Nguyễn Hữu N, sinh ngày 21/12/2017 cho chị L được quyền trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Việc cấp dưỡng được thực hiện hành tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/ tháng/ con. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, ngày cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 15/4/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị L, anh T không tài sản chung.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. *Về lệ phí:* Các đương sự thỏa T bà L, ông T cùng chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng. Khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng lệ phí Tòa án chịL anh T đã đóng theo biên lai số 04062 quyển số 0082 ngày 18/02/2020 của chi cục thi hành án huyện Chơn Thành.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Chơn Thành;
- UBND xã M;
- CCTHADS huyện Chơn Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trương Quốc Khánh